

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST  
Ngày 09/6/2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Huệ;
2. Bà Trần Thị Kia.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai:* Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 18/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 3, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Hồng M, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 6, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày: Vào năm 2021 bà Phạm Thị Hồng M có vay tiền của tôi nhiều lần, cụ thể vào ngày 10/01/2021 âm lịch vay 6.000.000đ, ngày 11/01/2021 vay 5.000.000đ, ngày 26/02/2021 vay 3.000.000đ. Các lần vay tiền bà Minh đều viết giấy thể hiện nội dung vay tiền và hẹn 10 ngày sau sẽ trả, vì là chỗ quen biết nên tôi đều không tính tiền lãi. Tổng cộng số tiền bà Minh đã vay của tôi là 14.000.000đ, bà Minh đã trả 7.600.000đ nên còn nợ số tiền 6.400.000đ. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Minh phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 6.400.000đ.

2. Bị đơn chị Phạm Thị Hồng M đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý, triệu tập đến làm việc, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt nên không trình bày được ý kiến của mình về nội dung vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Minh phải trả cho nguyên đơn bà Lai số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 6.400.000đ. Buộc bị đơn bà Minh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Phạm Thị Hồng M; địa chỉ: Tổ 6, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn chị Phạm Thị Hồng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Hồng M.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với “Giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp, phù hợp với lời khai của bà Võ Thị Tâm là mẹ đẻ của bị đơn chị Phạm Thị Hồng M (bút lục 29), thể hiện vào năm 2021 chị M đã ba lần vay tiền của chị L tổng cộng số tiền 14.000.000đ, chị M đã trả 7.600.000đ nên còn nợ 6.400.000đ. Theo “Giấy mượn tiền” các bên có thỏa thuận về thời hạn trả và không thỏa thuận về tiền lãi, do vậy xác định thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Đã quá thời hạn trả nợ mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn chị M phải trả cho nguyên đơn chị L số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 6.400.000đ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là  $6.400.000đ \times 5\% = 320.000đ$ .

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Phạm Thị Hồng M phải trả cho nguyên đơn chị Võ Thị L số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 6.400.000đ (*sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn chị Phạm Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 320.000đ (*ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Chị Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011609 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 09/6/2022. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Thảo**